Biểu số 3

CHI TIẾT NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
								TMĐT					*Trong đó*		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ							**17.337,227**	**15.905,284**	**916.665**	**916.165**	**10.553.580**			
(1)	**Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Đường ra mốc biên giới (Mốc 90, Mốc 139, Mốc 141, Mốc 39, Mốc 40) thuộc các huyện Điện Biên, Nậm Pồ	B	xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, Huyện Nậm Pồ					440.000	440.000			440.000			
2	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh (giai đoạn 2, khoảng 3.800ha).	B	Tỉnh Điện Biên			Rà phá 3.800ha đất		100.000	100.000			100.000			
3	Chốt dân quân chiến đấu thường trực tại địa bàn các huyện: Điện Biên, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé	B	Các huyện MC, ĐB, NP, MN			XD 06 chốt		96.000	96.000			96.000			
4	Xây dựng trụ sở Ban CHQS cấp xã và nhà ở dân quân thường trực	B	Các xã			XD trụ sở Ban CHQS cấp xã và nhà ở dân quân thường trực xã biên giới		310.000	310.000			150.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(2)	**Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	'Xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn còn lại thuộc Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an các xã, thị trấn	B	Các xã					93.272	93.272			93.272			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(3)	**Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật + mặt bằng trường Đại học Điện Biên Phủ	B	tỉnh Điện Biên	2026	2030	Đầu tư thiết bị phòng học (đối với thiết bị đã hỏng và hết liên hạn sử dụng) và thiết bị dạy học tối thiểu (thiết bị còn thiếu chưa đầu tư và các thiết bị đã hỏng và hết liên hạn sử dụng) tại 34 cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		291.000	291.000			291.000			
2	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường: THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa; THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông;	B	H. Tủa Chùa, Điện Biên Đông	2026	2030	(i) Xây dựng 06 phòng học+ 06 phòng học bộ môn, nhà đa năng; 40 phòng ở nội trú cho học sinh; 09 phòng công vụ cho giáo viên; nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ tại trường Quyết Tiến; (ii) San nền, kè đá; nhà đa năng, nhà hiệu bộ, nhà bếp, nhà ăn, 12 phòng học, 5 phòng bộ môn, 30 phòng nội trú, 30 phòng tắm, 16 phòng vệ sinh và các hạng mục phụ trợ tại trường Mường Luân		95.000	95.000			95.000			
3	Trường PTDTBT THCS Quảng Lâm, huyện Mường Nhé và Trường Tiểu học Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	B	huyện Mường Nhé					90.000	90.000			90.000			
5	Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT TH&THCS xã Na Tông, Trường TH & THCS xã Hua Thanh, Trường PTDTBT TH&THCS xã Phu Luông, huyện Điện Biên		Huyện Điện Biên			Na Tông: Xây mới 20 phòng học, 10 phòng chức năng, Khu nhà nội trú, Khu nhà công vụ, Nhà đa năng, Nhà bếp, nhà ăn; Sửa chữa khối nhà hiệu bộ, nhà lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ; Hua Thanh: Xây mới nhà lớp học 16 phòng; 10 phòng chức năng; khu nhà hiệu bộ; 10 phòng công vụ; san ủi mặt bằng và các hạng mục phụ trợ;		150.000	150.000			150.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường PTDTNT: THPT tỉnh Điện Biên; THPT Huyện Điện Biên; THPT huyện Nậm Pồ	B	H. Điện Biên, Nậm Pồ, TP ĐBP	2026	2030	(i) Đền bù giải phóng mặt bằng; cải tạo sửa chữa các hạng mục: Nhà đa năng; nhà lớp học 06 phòng; nhà lớp học chức năng 06 phòng; sửa chữa nhà ở nội trú học sinh thành nhà lớp học; xây mới nhà ban giám hiệu; 12 phòng học, 06 phòng học bộ môn, các hạng mục phụ trợ (ii) Xây mới nhà ăn, 60 phòng ở nội trú cho học sinh; 02 phòng học bộ môn + 08 phòng học; nhà ga ra xe; cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng 03 phòng & 06 phòng học chức năng; nhà đa năng; nhà bếp; Nhà ký túc xá 05 phòng và các hạng mục phụ trợ; (iii) Đền bù giải phóng mặt bằng 10.000m2; 05 phòng học, 01 phòng thiết bị; + 06 phòng học bộ môn, 30 phòng ở nội trú, mở rộng nhà bếp nhà ăn; nhà ban giám hiệu; 15 phòng công vụ cho giáo viên; nhà tắm, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ		140.000	140.000			140.000			
7	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT: Thanh Nưa (Trường năng khiếu thể dục, thể thao); Trường THPT Tuần Giáo	B	H. Điện Biên	2026	2030	(i) Xây mới 06 phòng học bộ môn + thư viện, mở rộng 02ha, xây dựng các hạng mục đào tạo năng khiếu TDTT, sửa chữa 14 phòng học; 05 phòng công vụ giáo viên; các hạng mục phụ trợ trường Thanh Nưa (ii) 12 phòng học + 06 phòng học bộ môn; sửa chữa nhà lớp học + nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ trường THPT Tuần Giáo		145.000	145.000			145.000			
2	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Trường MN Thị trấn Tuần Giáo	B	Huyện Tuần Giáo			Giải phóng mặt; san lấp mặt bằng 2ha; Phòng học: 22 phòng; Phòng bộ môn: 05 phòng; Phòng ngủ cho trẻ: 06; Phòng quản trị hành chính: 08 phòng và Các hạng mục phụ trợ khác.		90.000	90.000			50.000			
2	Trường THPT Leng Su Sin		Huyện Mường Nhé					200.000	200.000			100.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Xây dựng bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất trường Chính trị tỉnh Điện Biên		TP ĐBP					214.000	214.000						

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
								TMĐT					*Trong đó*		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Trường THPT tại cụm xã Nậm Nèn, Pa Ham, Huổi Mí, Xá Tổng	B	H. Mường Chà	2026	2030	12 phòng học, 30 phòng nội trú, 10 phòng công vụ giáo viên, 09 phòng học bộ môn, nhà ban giám hiệu, nhà đa năng, nhà bếp, nhà ăn, nhà bảo vệ, đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, kè đá, hàng rào		120.000	120.000						
(4)	**Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(5)	**Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Dự án: Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	B	TP Điện Biên Phủ					250.000	250.000			250.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
1	Dự án: Xây mới Bệnh viện Tâm thần tỉnh Điện Biên	B	TP Điện Biên Phủ					125.000	125.000						
(6)	**Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
1	Bảo tàng tỉnh Điện Biên	B	TPĐBP	2025		Nhà bảo tàng		150.000	150.000	88.174	88.174	61.826			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Trong đó*		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc, giải phóng mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các điểm di tích thuộc Di tích Chiến trường Điện Biên Phủ	B	TPĐBP	2025				130.248	130.248	1.000	1.000	107.972			
3	Bảo tồn, tôn tạo Trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết hợp với cải tạo lại hệ thống cây xanh tại các điểm di tích	B	TPĐBP	2025				260.000	259.900	60.100	60.000	90.000			
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(7)	**Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Dự án: Đầu tư hệ thống quản lý sản xuất và quản trị điều hành PTTH, thực hiện công tác chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030	B	TP ĐBP					90.000	90.000			90.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(8)	**Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP			Sân vận động 20.000 chỗ ngồi; Xây dựng Bể bơi 1000 người; xây dựng sân Tennis; sân bóng chuyền; Sân cầu lông; nhà luyện tập; nhà điều hành..... Và các hạng mục đồng bộ hoàn chỉnh		450.000	450.000			300.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên		Huyện Tuần Giáo					1.389.698	306.036			150.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế														
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
3	Kè bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất ven suối Nậm Núa, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng và Kè hai bên bờ suối Nậm Núa xã Mường Nhà, huyện Điện Biên		Huyện Mường Ảng, Điện Biên					250.000	250.000			230.000			
4	Xây dựng kênh tưới nước từ Hồ Ẩng Cang	B	Xã Ẩng Cang					270.000	270.000			270.000			
5	Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do trên địa bàn các huyện		Các huyện					230.000	230.000			230.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Trong đó*		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Hồ chứa nước Huổi Bé tỉnh Điện Biên	B						250.000	250.000			200.000			
2	Hồ chứa nước Nậm Xả, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	B						300.000	300.000			200.000			
3	Đầu tư xây dựng bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Chi cục, hạt kiểm lâm phục vụ công tác quản lý, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh	B	Tỉnh Điện Biên					112.000	112.000			70.000			
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
3	Hồ Nậm Seo, huyện Tủa Chùa	B						300.000	300.000						
2	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030	B	Tỉnh Điện Biên					105.000	105.000						
3	Đầy tư xây dựng kè phòng chống thiên tai trên địa bàn xã Thanh Minh	B	Thanh Minh					125.000	125.000						
4	Đầy tư xây dựng kè phòng chống thiên tai trên địa bàn xã Nà Tấu, Nà Nhạn, Pá Khoang	B	Xã:; Pá Khoang; Nà Nhạn; Nà Tấu					140.000	140.000						
10.2	**Công nghiệp**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hỗ hợp xã Ẳng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	B	Huyện Mường Ảng	2024	2026			110.000	110.000	9.160	9.160				
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình "Bừng sáng Điện Biên"		7 huyện	2024	2025			1.260.000	1.259.600	500.400	500.000	759.600			
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
								TMĐT					*Trong đó*		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10.3	**Giao thông**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
1	Đường từ QL279 đi bản Mánh Đanh, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng	B	huyện Mường Ảng	2024	2026	6,5 km	1255/QĐ-UBND 10/8/2023	90.000	90.000	50.240	50.240	39.760			
2	Nâng cấp đường QL6 – TT xã Rạng Đông - TT xã Phình Sáng – Phảng Củ, huyện Tuần Giáo.	B	huyện Tuần Giáo	2023	2026	26,4 km	2098/QĐ-UBND 14/11/2022	80.000	80.000	42.530	42.530	37.470			
3	Nâng cấp đường giao thông từ bản Xôm đi bản mốc C5 xã Phu Luông, huyện Điện Biên	B	huyện Điện Biên	2023	2026	18,6 km	643/QĐ-UBND 8/4/2022	85.000	85.000	62.000	62.000	23.000			
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến quy hoạch Quốc lộ 12D, tỉnh Điện Biên		Huyện Nậm Pồ-Mường Chà					695.561	347.780			347.780			
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Phì Nhừ - Phình Giàng - Pú Hồng - Mường Nhà, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn 2 của giai đoạn 2: Đoạn Pú Hồng - Mường Nhà)	B	Huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên	2016	2028	17,7 Km Đường cấp VImn		435.448	435.448	103.061	103.061	320.000			
3	Nâng cấp đường giao thông Nậm Kè - Pá Mỳ - Huổi Lếch huyện Mường Nhé	B	Huyện Mường Nhé			Tổng chiều dài khoảng 22km, đường cấp VI miền núi		160.000	160.000			160.000			
4	Đường giao thông trung tâm xã Mường Lạn - Pá Khôm	B	Huyện Mường Ảng			Tổng chiều dài khoảng 15km, đường cấp VI miền núi		160.000	160.000			160.000			
5	Trục đô thị trọng yếu phía Đông thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo	B	huyện Tuần Giáo			+ Trục chính: Chiều dài dự kiến L= 5,2Km, thiết kế theo TCXDVN 104:2007; Bề rộng nền đường Bn=20,5m (Bm=13,5m, Bvh=2x3,5m). + Trục ngang: Chiều dài dự kiến L= 0,20 Km. Bề rộng nền đường Bn=22m (Bm=16m, Bvh=2x3m). Thiết kế theo TCXDVN 104:2007		300.000	300.000			300.000			
6	Dự án Nâng cấp đường Nà Tấu - Mường Đăng - Ngối Cáy - Ảng Tở (ĐT.146C)	B	Huyện Mường Ảng và Thành phố Điện Biên Phủ			25 Km Đường cấp Vmn		350.000	350.000			350.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT.146 Búng Lao - Mường Lạn - Xa Dung - Na Son	B	huyện Mường Ảng, Điện Biên Đông			39,7Km đường giao thông cấp IV-Vmn		631.000	631.000			631.000			
8	Dự án Nâng cấp đường giao thông liên xã Sa Lông - Hừa Ngài - Huổi Lèng, huyện Mường Chà	B	Huyện Mường Chà			26 Km Đường cấp VImn		300.000	300.000			300.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
1	Nâng cấp đường liên xã Sam Mún - Hẹ Muông, động Chua Ta huyện Điện Biên.	B						220.000	220.000			120.000			
2	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thị phía Đông Nam thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn			4,4km		200.000	200.000			150.000			
3	Nâng cấp đường Noong Luống (giao Km 16 đường động lực) - bản Pa Thơm và Đoạn từ ngã tư bản On đến khu khoáng nóng U Va xã Noong Luống, huyện Điện Biên	B	Xã Noong Luống, Pa Thơm			GTNT A, L = 21 km, mặt đường BTXM Bn= 6,0m, Bm=3,5m; Cầu dầm BTCT, Chiều dài khoảng L= 100m; GPMB; Đoạn Bản On - Uva: Cấp IV mn 4.200m; rộng = 5,5;m		270.000	270.000			150.000			
4	Dự án Nâng cấp đường Pá Vạt - Háng Lìa - Tìa Dinh, huyện Điện Biên Đông	B	Huyện Điện Biên Đông			35,5 Km Đường cấp Vmn-Cấp Vimn		400.000	400.000			300.000			
5	Đường giao thông kết nối QL.279 - Đường Động lực - Trung tâm huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên		Xã Thanh Xương, HĐB			Tổng L~5,61Km, trong đó: - L~2,1Km: Bn=25m; Bm=2x7m; Bgpc=2,0m; Bvh=2x4,5m - L~1,1Km: Bn=20,5m; Bm=10,5m; Bvh=2x5m - L~2,41Km, Bn=40m; Bm=2x10,5m; Bgpc=6,0m; Bvh=2x6,5m		587.000	587.000			305.900			
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.150 đoạn Km38-Km52, huyện Mường Chà	B	huyện Mường Chà			13,6Km đường giao thông cấp VImn		200.000	200.000			100.000			
7	Đầu tư, nâng cấp đường giao thông Nậm Nhừ - Nậm Chua - Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	B	Xã Nậm Nhừ, Nậm Chua, Nà Hỳ			Đầu tư theo quy mô đường cấp V miền núi với chiều dài khoảng 24,5 km, kết cấu mặt đường nhựa. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		320.000	320.000			150.000			
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
2	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thị thị trấn từ Dốc Vàng - hồ Tông Lệnh, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn			4,1km		180.000	180.000						

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Páo Tình Làng - Phàng Mù Phình, xã Tá Sìn Thàng đến Háng Pàng xã Huổi Só), huyện Tủa Chùa	B	Các xã: Tả Sìn Thàng, Huổi Só			8,1km		80.000	80.000						
4	Nâng cấp đường Na Phay - Huổi Chanh - Gia Phú A,B (Đường ra biên giới) huyện Điện Biên	B	Xã Na Tông			Đường GTNT cấp A miền núi L=30km, Bn=6m, Bm=3,5m		150.000	150.000						
5	Tuyến đường liên xã Thanh Minh - Pá Khoang	B	Trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ			L=2,5km; Bnen=15m đường đô thị		184.000	184.000						
6	Nâng cấp tuyến đường Mường Báng - Xá Nhè - (Tà Huổi Tráng) xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	B	Các xã: Mường Báng, Xá Nhè, Tủa Thàng			22km		198.000	198.000						
10.4	**Khu công nghiệp, khu kinh tế**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
1	Mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ hoạt động cửa khẩu A Pa Chải							700.000	700.000			350.000			
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
10.5	**Thương mại**														
10.6	**Cấp thoát nước**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
10.7	**Kho tàng**														
10.8	**Du lịch**														
10.9	**Bưu chính, viễn thông**														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10.10	**Công nghệ thông tin**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giai đoạn 2 và Nâng cấp, mở rộng, vận hành hệ thống đảm bảo an toàn thông tin của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên							235.000	235.000			235.000			
2	Nâng cấp, mở rộng nề tảng đô thị thông minh tỉnh Điện Biên							175.000	175.000			175.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
10.11	**Quy hoạch**														
10.12	**Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Hạ tầng khu trung tâm hành chính mới xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	B						210.000	210.000			210.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
1	Kè, đập dâng bảo vệ hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ trường học, khu dân cư, tạo cảnh quan đô thị Trung tâm huyện Nậm Pồ	B				- Đầu tư xây dựng mới tuyến kè dài khoảng 400m, cống hộp 200m, đập dâng nước chiều dài 40m; - Đầu tư xây dựng mới tuyến kè dài khoảng 3,83 km và hạ tầng kỹ thuật (Đường Dạo, Cống thoát nước)		300.000	300.000			179.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Trong đó*		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Kè 2 bên bờ suối và cầu bê tông cốt thép dự ứng lực khu trung tâm hành chính mới xã Tìa Dình và kè 2 bên bờ suối khu bản Suối Lư, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông							180.000	180.000			120.000			
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
10.13	**Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX**														
(11)	**Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
1	Trụ sở hợp khối huyện Tuần Giáo	B						100.000	100.000			100.000			
2	Trung tâm văn hoá thành phố Điện Biên Phủ, huyện Tủa Chùa, huyện Mường Chà và Nhà khách huyện Nậm Pồ	B						290.000	290.000			290.000			
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(12)	**Ngành/lĩnh vực: Xã hội**														
1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**														
2)	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030**														
a)	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030**														
b)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030**														
3)	**Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035**														
(13)	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
B	**ĐỀ XUẤT BỔ SUNG TỪ VỐN CỦA BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG**							17.554.000	14.087.000			14.087.000			
1	Kè chống sạt lở bờ suối biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Khu vực từ Mốc 13 đến Mốc 14, tỉnh Điện Biên	B	xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé					123.000	123.000			123.000			
2	'Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên (giai đoạn 2)	B						600.000	600.000			600.000			
3	Dự án Xây dựng đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, giai đoạn 1	A	tỉnh Điện Biên			39km đường cao tốc 4 làn xe; 5,5Km đoạn nối		11.556.000	8.089.000			8.089.000			
4	Nâng cấp QL279 đoạn Tuần Giáo - Than Uyên					80km		400.000	400.000			400.000			
5	Xây dựng mới cơ sở ma tuý tỉnh Điện Biên	B						525.000	525.000			525.000			
6	Cơ sở hỏa táng và Nhà tang lễ tỉnh Điện Biên	B	TT Mường Ảng			Công suất: 2.000 ca/năm, với 04 lò hỏa táng TABO SE hiện đại. Diện tích: 6,4ha, bao gồm các hạng mục: khu nhà điều hành, nhà trực, gara ô tô, nhà chờ, khu vực tâm linh, nhà lưu tro cốt, nhà hỏa táng và các công trình phụ trợ.		100.000	100.000			100.000			
7	Xây dựng cầu Đồi Cao - Lê Lợi thuộc tỉnh Điện Biên - Lai Châu	B	Thị xã Mường Lay					650.000	650.000			650.000			
8	Xây dựng đập ngăn nước phục vụ phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản TX Mường Lay	B	Thị xã Mường Lay					1.000.000	1.000.000			1.000.000			
9	Hồ chứa nước Nậm mùn	B				Dung tích khoảng 2 triệu m3.		400.000	400.000			400.000			
10	Hồ chứa nước Nậm Khâu Hu 1, tỉnh Điện Biên	B						500.000	500.000			500.000			
11	Hồ chứa nước Pú Nhung Họ, xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	B						350.000	350.000			350.000			
12	Hồ chứa nước Bản Chăn, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo	B						350.000	350.000			350.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	*Trong đó*		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	Hồ Huổi Cánh, huyện Điện Biên	B						350.000	350.000			350.000			
14	Hồ Na Pa Khoang, huyện Điện Biên Đông	B						350.000	350.000			350.000			
15	Hồ Chiếu Tình, huyện Tủa Chùa	B						300.000	300.000			300.000			